TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày: 09/03/2023
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên
Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn
Bà Nguyễn Thị Như

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Mạc Văn A**- Sinh năm 1973; **Lương Thị B**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Xóm A1, xã B1, Quảng Hòa, Cao Bằng; Đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Mạc Văn A: Luật sư **Nguyễn Trung C** thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Trung C. Địa chỉ: Số nhà C1, tổ C2, phường Phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố* **Lục Xuân D -** Sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm A1, xã B1, Quảng Hòa, Cao Bằng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn D là bà **Trần Ngọc E**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố E1, phường E2, TP Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lục Xuân D: Luật sư **Nguyễn Văn G** thuộc Văn phòng Luật sư H. Địa chỉ: Số nhà F, tổ F1, phường F3, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn I – Chủ tịch UBND. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị K – sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Có mặt.

+ Mạc Thanh L – sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Vắng mặt (có đề nghị từ chối tham gia tố tụng).

+ Mạc Minh M – sinh năm 2007; địa chỉ: Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Vắng mặt (có đề nghị từ chối tham gia tố tụng).

+ Trần Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Vắng mặt (có đề nghị từ chối tham gia tố tụng)

- *Những người làm chứng:*

+ Mạc Thị O – sinh năm 1962. Vắng mặt.

+ Hoàng Văn P – sinh năm 1937. Vắng mặt.

+ La Thị Q – sinh năm 1958. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Lương Văn R - sinh năm 1929. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Hoàng Văn S – sinh năm 1958. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Công Thị T – sinh năm 1935. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

+ Mạc Văn X - sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ 2 phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Mạc Văn A trình bày:

Tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu ông D tháo dỡ chuồng trâu để trả lại cho tôi một phần thửa đất số 134, tờ bản đồ địa chính số 53 (nay thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 85), diện tích 23m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Về nguồn gốc thửa đất số 134 là do năm 1957 bố của tôi (ông Mạc Văn Khìn) mua với ông Hoàng Văn Hả (là bố của ông Hoàng Văn P). Giấy tờ mua bán đất đã bị thất lạc năm 1979.

Về quá trình sử dụng đất: Từ lúc mua thửa đất trên, bố mẹ tôi có cho ông Lục Văn Sính là bố của ông Lục Xuân D dựng tạm nhà ở. Việc bố mẹ tôi cho ông Sính ở nhờ chỉ nói bằng miệng, không lập văn bản. Đến năm 1979, sau chiến tranh biên giới Việt Trung nhà của ông Sính bị cháy hết, bố tôi đề nghị lấy lại đất và không cho ông Sính dựng lại nhà ở trên đất nữa. Còn phần phía đằng sau có nhà rơm (chuồng trâu) không bị cháy, bố tôi đã yêu cầu ông Sính phải tháo dỡ để trả lại đất nhưng gia đình ông Sính không tháo dỡ. Sau khi ông Sính chết ông Lục Xuân D (là con ông Sính) tiếp tục sử dụng. Tôi cũng đã nhiều lần yêu cầu ông D phải tháo dỡ chuồng trâu (nhà rơm) nhưng ông D vẫn không chịu tháo dỡ. Hai gia đình phát sinh tranh chấp kéo dài nhưng chỉ nói miệng với nhau, không qua hòa giải của chính quyền địa phương, đến năm 2021 có dự án cấp giấy chứng nhận QSSD đất, địa chính đi đo đất thì tôi mới làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn hòa giải, kết quả hòa giải không thành nên mới chuyển đơn đến Tòa án để giải quyết.

Về giấy tờ đất: Gia đình tôi đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lục Xuân D về việc Yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng của ông D đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 85, diện tích 52,3m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1; Đề nghị xem xét lại quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh một phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi sang cho ông D tôi không nhất trí.

* *Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lương Thị B trình bày:* Tôi nhất trí với lời trình bày của ông A. Đất có nguồn gốc của bố mẹ chồng tôi, chồng tôi được thừa kế. Giữa hai gia đình tôi và ông D đã có ranh giới đất là bờ đá, năm 1995 mới dỡ đi xây lại. Tôi kết hôn với ông A năm 1991, khi về làm dâu tôi đã thấy chuồng trâu trên phần đất của gia đình chồng. Tôi không nhất trí với yêu cầu phản tố của bị đơn Lục Xuân D.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung C trình bày: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Mạc Văn Khìn mua với cụ Hoàng Văn Hả từ năm 1957, ông A, bà B được thừa kế, gia đình ông A đã quản lý và sử dụng liên tục từ năm 1957 đến nay đã được UBND huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2007, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn A và bà Lương Thị B, buộc ông Lục Xuân D tự tháo dỡ chuồng trâu để trả lại đất cho ông A, bà B.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lục Xuân D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Ngọc E trình bày*: Tôi không nhất trí với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn do phần đất này là của gia đình ông D, ông D đang quản lý, sử dụng. Ông D có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 67 tờ bản đồ số 85, diện tích 52,3m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh một phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà B sang cho ông D.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông D là ông Lục Văn Sính và bà Mạc Thị Mậy dựng nhà trên đất từ năm 1958, có diện tích khoảng hơn 130m^2 hiện nay là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 85 trong đó có chuồng trâu có diện tích 23m^2 đang có tranh chấp, việc gia đình ông D dựng nhà trên đất có nhiều người làm chứng: Ông Mạc Văn X, ông Lương Văn R, bà Công Thị T, ông Hoàng Văn S, và bà La Thị Q. Không có việc gia đình ông D mượn đất của gia đình ông A. Gia đình ông D sinh sống và quản lý đất liên tục cho đến năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra, gia đình D đi di tản, khi chiến tranh kết thúc, gia đình ông D quay lại nhà thì ngôi nhà đã bị đốt cháy chỉ còn lại nhà đựng rơm (chuồng trâu) phía sau là không bị cháy, gia đình ông D sống tạm ở nhà đó đến năm 1984 gia đình mới dựng nhà mới ở vị trí khác, nhưng vẫn quản lý sử dụng đất. Anh A không có quá trình quản lý, sử dụng đất mà chỉ căn cứ vào việc được cấp GCNQSD đất để đòi gia đình ông D tháo dỡ chuồng trâu (nhà rơm) là không đúng thực tế.

Trước năm 2007 có đợt làm sổ đỏ, ông D đã kê khai, cùng cán bộ địa chính đo đạc, xác định vị trí, tất cả hồ sơ thuộc quyền quản lý của UBND xã Quốc Phong. Đến khi xong đợt cấp sổ đỏ năm 2007, ông D không nhận được giấy chứng nhận QSD đất, ông D có đi hỏi thì được trả lời sẽ rà soát bổ sung sau. Đến năm 2021 có đợt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D mới biết được diện tích đất chuồng trâu và xung quanh chuồng trâu đã nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông A.

** Ông Nguyễn Văn G là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày ý kiến:* Phần đất tranh chấp thực tế qua đo đạc có diện tích là 51,7m^2 là đất mà gia đình ông Lục Xuân D đã quản lý sử dụng từ năm 1958 đến năm 2021 đã là 63 năm đủ điều kiện để xác lập quyền sở hữu về tài sản theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2007 cho hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B đối với thửa 134 tờ bản đồ 53 diện tích 704m^2 bao gồm cả phần đất chuồng trâu (nhà rơm) mà ông D đã quản lý sử dụng hơn 60 năm là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 49, khoản 2, khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B

về việc yêu cầu ông D trả lại diện tích 23m^2 nằm trong diện tích 704m^2 thửa đất số 134 tờ bản đồ số 53 tại Xóm A1, xã B1. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đính chính, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo khoản 2 điểm d Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị K trình bày:* Tôi là vợ của ông D. Tôi kết hôn với ông D tháng 6 năm 1978, năm 1979 thì tổ chức cưới ở nhà hiện nay là chuồng trâu bây giờ. Do nhà chính bị cháy nên về sau dựng nhà ở nơi khác, nhưng gia đình tôi vẫn quản lý sử dụng đất để trồng rau lang, chuối. Tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tôi nhất trí với yêu cầu phản tố của bị đơn ông D.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa có văn bản ghi ý kiến như sau:*

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 cho hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B: Qua đối chiếu hồ sơ đăng ký cấp GCN QSDĐ lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Quảng Hòa, ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2007, xin cấp GCN quyền sử dụng đất cho 07 thửa đất (06 thửa cấp đổi, 01 thửa cấp mới), 01 thửa cấp mới là thửa số 134, Tờ bản đồ số 53, diện tích 704 m2. Đơn được UBND xã Quốc Phong xác nhận ngày 28/05/2007, cơ quan chuyên môn là Phòng TN&MT Quảng Uyên xác nhận ngày 31/5/2007 nhất trí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong cùng ngày 26/01/2007, ông Lục Xuân D có Đơn xin cấp GCN QSDĐ và đơn xin cấp đổi GCN QSDĐ cho 17 thửa đất (cấp mới 10 thửa, cấp đổi 07 thửa) nhưng không kê khai, đăng ký cấp GCN QSDĐ cho thửa số 134, Tờ bản đồ số 53, diện tích 704 m2. Hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B và hộ gia đình ông Lục Xuân D cùng được UBND huyện Quảng Uyên xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong ngày 23/10/2007. Như vậy, UBND huyện Quảng Uyên cấp Giấy chứng nhận QSD Đất cho hộ gia đình ông Mạc Văn A, Lục Xuân D là đúng quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mạc Thanh L (là con của ông A, bà B) có ý kiến*: Thời điểm năm 2007 khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất đối với thửa 134, tờ bản đồ 53 tại Xóm A1, xã B1 thì lúc đó tôi mới 13 tuổi, tôi không biết gì và cũng không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất trên nên mọi việc liên quan đến vụ án tranh chấp đất là do bố mẹ tôi có toàn quyền quyết định. Do tôi không biết gì, cũng không có đóng góp gì nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mạc Minh M (là con của ông A, bà B) có ý kiến*: Thời điểm năm 2007 khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất đối với thửa 134, tờ bản đồ 53 tại Xóm A1, xã B1 thì lúc đó tôi mới sinh nên không biết gì vì, mọi việc liên quan đến vụ án tranh chấp đất là do bố mẹ tôi có toàn quyền quyết định. Do tôi không biết gì và do bận học nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người làm chứng theo đề nghị của nguyên đơn Mạc Văn A có ý kiến như sau:*

- Ý kiến của ông Hoàng Văn P: Tôi với ông A, ông D chỉ có mối quan hệ là hàng xóm với nhau, ngoài ra không có mối quan hệ nào khác. Tôi đã sinh sống ở Xóm A1 từ khi sinh ra cho đến nay. Nguồn gốc đất mà hiện nay ông A, ông D có tranh chấp là của ông Hoàng Văn Hả (bố đẻ tôi) bán cho ông Mạc Văn Khìn (là bố của ông Mạc Văn A) từ năm 1957. Khi 2 bên mua bán đất có làm giấy tờ nhưng nay đã bị thất lạc. Việc mua bán đất chỉ có ông Hả, ông Khìn và tôi biết. Thời điểm bố tôi bán đất tôi được 19 tuổi. Giá bán đất là 70 đồng (tương đương với 3 chỉ vàng thời đó). Diện tích đất bố tôi bán cho ông Khìn là bao nhiêu tôi cũng không rõ, chỉ biết là đất ruộng, ước lượng làm được khoảng 2 nền nhà. Sau khi mua đất với bố tôi, ông Khìn (bố ông A) làm nhà sàn ở vị trí nhà xây 2 tầng hiện này ông A, bà B đang ở. Về chuồng trâu (hay còn gọi là nhà rơm) hiện đang có tranh chấp là do bố mẹ ông Lục Xuân D làm bằng gỗ từ khoảng trên những năm 1960 và gia đình ông D còn làm cả nhà gỗ ngay phía trước chuồng trâu (thuộc vị trí ở nhà cấp 4 hiện nay anh Lực đang thuê của ông A). Sau sự kiện năm 1979 thì nhà gỗ của gia đình ông D không còn nữa, chỉ còn lại phần nhà rơm (chuồng trâu). Về sau gia đình ông D mới sử dụng gạch xây xung quanh chuồng trâu, xây thời gian nào tôi cũng không biết. Từ lúc gia đình ông D dựng chuồng trâu cho tới nay gia đình ông D vẫn quản lý và sử dụng, không thấy có ai tranh chấp gì. Cho đến nay mới thấy ông A và ông D tranh chấp với nhau. Do tôi không biết rõ lý do tại sao bố mẹ ông A cho bố mẹ ông D làm nhà, dựng nhà rơm (chuồng trâu) trên đất nên tôi cũng không có ý kiến gì.

- Ý kiến của bà Mạc Thị O: Tôi là chị gái ruột của ông A, còn ông D là họ hàng xa bên ngoại. Tôi đã sinh sống ở Xóm A1 từ khi sinh ra cho đến nay. Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố tôi tên Mạc Văn Khìn mua với ông Hoàng Văn Hả (bố ông Hoàng Văn P), mua từ năm 1957, tôi biết được việc này do bố tôi kể lại. Thời điểm mua tôi còn chưa sinh. Việc mua bán khi đó bố tôi nói là có làm giấy tờ, đến sự kiện biên giới năm 1979 thì giấy tờ bị thất lạc. Tôi chỉ biết bố tôi mua một đám ruộng, diện tích bao nhiêu tôi không rõ. Ngày xưa do ít người nên bố mẹ tôi có cho bố mẹ ông D dựng nhà ở đó, nhưng đến năm 1979

nhà của gia đình ông D làm bị cháy, gia đình tôi đã thu lại đất, còn phía sau là chuồng trâu gia đình ông D không chịu dỡ để trả lại đất. Việc bố mẹ tôi cho bố mẹ ông D dựng nhà không có giấy tờ gì. Việc đòi lại đất chỉ nói bằng miệng, chưa nhờ ai can thiệp, đến nay ông A mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Chuồng trâu (nhà rơm) trên đất là do phía gia đình ông D làm, còn làm từ khi nào tôi cũng không rõ, vì khi đó tôi còn nhỏ. Đối với chuồng trâu (nhà rơm) ông D cứ bỏ hoang để đó từ lâu cho đến nay, không nuôi trâu, cũng không để rơm vào đó. Tôi đề nghị ông D phải tháo dỡ chuồng trâu (nhà rơm) để trả lại đất cho ông A, bà B.

** Những người làm chứng theo đề nghị của bị đơn Lục Xuân D có ý kiến như sau:*

- Tại biên bản lấy lời bà La Thị Q trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ bà Mạc Thị Mạy chia cho bà Mạy. Trước năm 1979, từ chợ xuống có 3 ngôi nhà sàn theo thứ tự nhà của ông Mạc Văn Nhình, tiếp đến là nhà của ông Mạc Văn Khìn (bố của ông Mạc Văn A), tiếp theo là nhà của bà Mạc Thị Mạy và ông Lục Văn Sính (bố mẹ ông D). Về chuồng trâu trên đất là do gia đình bà Mạc Thị Mạy và ông Lục Văn Sính (bố mẹ ông Lục Xuân D) làm. Trước năm 1979 tôi đã thấy có chuồng trâu sau nhà bà Mạy. Sau sự kiện năm 1979 nhà sàn bị đốt cháy, gia đình bà Mạy đi dựng nhà ở nơi khác. Vợ chồng ông D do đều đi làm việc nhà nước nên không nuôi trâu được, chuồng trâu đó để không. Tôi không biết giữa hai gia đình có cho mượn đất hay chuyển nhượng gì không nên không có ý kiến gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Lương Văn R trình bày:

Từ trước năm 1979, từ chợ xuống có 3 ngôi nhà sàn theo thứ tự nhà của ông Nhình, tiếp đến là nhà của ông Khìn (bố của ông Mạc Văn A), tiếp theo là nhà của bà Mạy và ông Sính (bố mẹ ông D), bà gia đình này đều là anh em với nhau. Sau năm 1979, cả ba ngôi nhà sàn đều bị đốt cháy chỉ còn lại chuồng trâu, cũng sau năm 1979 tôi đi công tác ở nơi khác, không thường xuyên ở nhà nên không biết ai là người sử dụng chuồng trâu.

- Tại biên bản lấy lời khai bà Công Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp tôi không rõ, chỉ biết trước năm 1979 có 3 nhà sàn. Sau năm 1979 cả 3 nhà sàn đều bị đốt cháy chỉ còn lại ngôi nhà rơm (chuồng trâu). Một thời gian sau gia đình ông D cũng để chuồng trâu không sử dụng gì cho đến nay.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Hoàng Văn S trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp tôi không rõ, chỉ biết trước năm 1979 có 3 nhà sàn, trong đó có một ngôi nhà sàn là của bà Mạy và ông Sính (bố mẹ của ông

Lục Xuân D). Sau năm 1979 cả 3 nhà sàn đều bị đốt cháy bố mẹ ông D làm lại nhà ở vị trí sau chuồng trâu bây giờ. Do không có chỗ nuôi trâu mới dựng chuồng trâu ở phía trước ngôi nhà. Quá trình mua bán cho mượn đất giữa các gia đình như thế nào tôi không biết.

- *Tại phiên tòa ông Mạc Văn X trình bày:* Từ thời điểm năm 1958 tại khu vực đang có đất tranh chấp gồm có 03 ngôi nhà sàn liền kề nhau. 01 ngôi nhà là của bố tôi Mạc Văn Sải, 01 ngôi nhà của cô Mạc Thị Mậy (mẹ của ông D) là em gái của bố tôi. Sau đấy anh trai cả của bố tôi và cô Mạy là ông Mạc Văn Cón mới đến dựng nhà liền kề cho con trai là Mạc Văn Khìn (bố của ông A). Sau sự kiện năm 1979 cả ba ngôi nhà đã bị đốt cháy. Về chuồng trâu (nhà rơm) do cô Mậy làm, còn quá trình sử dụng sau đó như thế nào tôi không rõ vì từ năm 1965 tôi đã ra thành phố Cao Bằng ở từ đó cho đến nay.

** Tại biên bản lấy lời khai những người có uy tín, người cao tuổi tại xóm Xóm A1 trình bày như sau:*

- Ý kiến của ông Hoàng Văn Cường: Nguồn gốc đất chuồng trâu và xung quanh chuồng trâu đang có tranh chấp là của bố đẻ ông Lục Xuân D (là cụ ông Lục Văn Sính). Trước năm 1979 tôi thấy phía trước chuồng trâu là ngôi nhà sàn của ông Sính và bà Mạy, bên cạnh nhà ông Sính là nhà ông Mạc Văn Khìn (bố đẻ ông A). Sau năm 1979 nhà sàn của ông Sính, ông Khìn đều bị đốt cháy, ông Sính dựng tạm nhà ở đất của bà Noọng rồi mới làm chuồng trâu bằng gỗ để chăn nuôi. Sau đó quá trình sử dụng đất tranh chấp cụ thể như nào tôi cũng không rõ.

- Ý kiến của bà La Thị Hiển: Thời điểm trước năm 1979 khu vực đang có đất tranh chấp có 3 ngôi nhà sàn liền nhau. Trong đó có ngôi nhà sàn của ông Lục Văn Sính (bố của ông Lục Xuân D), đằng sau nhà sàn ông D đã có chuồng trâu từ trước năm 1979. Sau sự kiện chiến tranh biên giới năm 1979 cả ba ngôi nhà sàn bị cháy chỉ còn lại chuồng trâu. Ông Khìn không cho ông Sính dựng nhà nữa, ông Sính mới hỏi mượn đất bà Noọng để dựng tạm nhà ở phía sau chuồng trâu. Sau đó vẫn thấy gia đình ông D sử dụng chuồng trâu mặc dù đã bị gia đình ông A phản đối. Tôi là trưởng xóm Xóm A1 từ năm 2005 đến năm 2017, trong thời gian đó tôi nhận được thông tin hai gia đình có tranh chấp đất chuồng trâu bằng miệng không thấy có đơn gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào: Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 236 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B về việc yêu cầu ông Lục Xuân D phải tháo dỡ chuồng trâu để trả lại cho ông, bà một phần thửa đất số 134, tờ bản đồ địa chính số 53 (nay thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 85), diện tích 23m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lục Xuân D về việc công nhận quyền sử dụng đất của ông Lục Xuân D đối với thửa đất số 67 tờ bản đồ số 85, diện tích 51,7m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. *(Có sơ đồ trích đo địa chính khu đất kèm theo bản án).*

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh phần diện tích đất 51,7m^2 thuộc thửa số 134 tờ bản đồ 53 (nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 85) tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 từ hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B sang cho ông Lục Xuân D.

Ông Lục Xuân D được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 07/10/2022, nguyên đơn ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Mạc Văn A, bà Lương Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ gia đình tôi mua với ông Hoàng Văn Hả, Chuồng trâu của gia đình ông Cát xây dựng nhờ trên đất của gia đình tôi. Do vậy tôi đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, cho tôi được quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

Bị đơn Lục Xuân Cát không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị K không nhất trí kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Nguyễn Trung Dũng phát biểu luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn

và đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn G, cùng đại diện theo ủy quyền của bị đơn-bà Trần Ngọc E đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Quảng Hòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Mạc Văn A là không có căn cứ, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lục Xuân D về việc công nhận quyền sử dụng đất của ông D đối với diện tích 24,3m² thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 85 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Ông Lục Xuân D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích thửa đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm đối với một số thiếu sót sau:

- Văn bản của Tòa án yêu cầu UBND huyện Quảng Hòa cung cấp tài liệu không đúng quy định tại khoản 3 Điều 97 BLTTDS và mẫu số 12-DS (ban hành kèm theo Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

Theo quy định tại Điều 97 BLTTDS về xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án có thể "yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến việc giải quyết vụ án dân sự" và khi tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ này "Tòa án phải ra quyết định".

Tại biểu mẫu số 12-DS của Tòa án: Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tuy nhiên, khi yêu cầu UBND huyện Quảng Hòa cung cấp tài liệu. Tòa án cấp sơ thẩm ban hành "Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ" là không đúng quy định, không đúng mẫu nêu trên.

- Không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án: Tại Thông báo kết quả đo đạc số 734/TB-TA ngày 129/2022 (BL 231) và Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số 700/2022/TB-TA (BL 191), Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xác định "phía trước đất chuồng trâu ông A, ông D đang tranh chấp có ngôi nhà cấp 4 mà ông Lực đang thuê của

ông A". Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Lực vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Mạc Văn A-Lương Thị B.

Nội dung kháng cáo: nguyên đơn Mạc Văn A-Lương Thị B cho rằng Tòa án sơ thẩm xem xét giải quyết vụ án không khách quan, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, tuyên cho nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như những người làm chứng đều thống nhất ý kiến: Chuồng trâu này được ông Lục Văn Sính và bà Mạc Thị Mậy (là bố mẹ của ông D) làm từ những năm 1960; sau khi ông Sính, bà Mậy chết thì ông D tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông A cho rằng việc gia đình ông D dựng chuồng trâu (nhà rơm) trên đất là do bố mẹ ông A cho bố mẹ ông D ở nhờ. Nhưng ngoài lời khai ra, ông A không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc gia đình ông D ở nhờ đất của gia đình ông A

Thứ hai, về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 cấp cho hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị chưa được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Theo lời khai của ông A, bà B thời điểm năm 2007 khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông A gồm có: Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B, bà Hoàng Thị Thiềm (đã chết năm 2008), anh Mạc Thanh L, anh Mạc Minh M. Phía nguyên đơn chỉ cung cấp được sổ hộ khẩu tại thời điểm hiện nay nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa đã tiến hành xác minh tại Công an xã B1. Kết quả không có sổ đăng ký thường trú hay tạm trú lưu trữ ở thời điểm

năm 2007 nên không có tài liệu, chứng cứ để xác định được năm 2007 hộ gia đình ông A bao gồm những ai. Tuy nhiên, theo Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2007 thì ông A chỉ kê khai người sử dụng đất bao gồm: ông Mạc Văn A và vợ Lương Thị B. Như vậy, có căn cứ để xác định quyền sử dụng đất thửa 134 tờ bản đồ 53 (nay là thửa số 67 tờ bản đồ 85) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông A và bà B.

Xét thấy, về người đang quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp tại thời điểm năm 2007: Khi ông Mạc Văn A làm đơn kê khai để xin cấp GCN QSD đất đối với thửa 134, tờ bản đồ 85 diện tích 704m2, trong đó đã bao gồm cả diện tích 51,7m^2 đất chuồng trâu (nhà rơm) thì thực tế, phần đất chuồng trâu (nhà rơm) này ông Mạc Văn A không phải là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà ông Lục Xuân D mới đang là người thực tế quản lý, sử dụng phần đất này. Về thời gian quản lý, sử dụng đất: Gia đình ông D đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1958 đến thời điểm năm 2007 (là thời điểm ông A xin cấp giấy chứng nhận QSD đất) đã là 49 năm, còn tính từ thời điểm năm 1958 cho đến hiện nay đã là 64 năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Mạc Văn A thừa nhận thời điểm năm 2007 phần đất này hai bên gia đình thực tế vẫn đang có tranh chấp với nhau. Lời khai này của ông A phù hợp với lời khai của bà La Thị Hiển. Bà Hiển khai *"Tôi là trưởng xóm Xóm A1 từ năm 2005 đến năm 2017, trong thời gian đó tôi có nhận được thông tin hai gia đình (ông A, ông D) có tranh chấp phần đất chuồng trâu bằng miệng ..."*. Như vậy, tại thời điểm năm 2007 phần đất này thực tế đang do ông Lục Xuân D quản lý, sử dụng, gia đình ông Mạc Văn A không phải là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; phần đất này thực tế vẫn đang có tranh chấp nhưng ông A vẫn kê khai gộp cùng với các phần diện tích khác để UBND xã Quốc Phong (nay là UBND xã B1) xác nhận là đất không có tranh chấp, sau đó được UBND huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa) cấp GCN QSD đất cho hộ ông A và bà B cả phần diện tích 51.7m^2 trong tổng diện tích 704m^2 là chưa đúng về đối tượng và chưa phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 quy định về Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất. Mặt khác, theo Điều 236 Bộ luật dân sự cũng quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật: *"Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...",* căn cứ theo quá trình quản lý sử dụng thì ông Cát mới là người

có quyền đăng ký kê khai để xin cấp GCNQSDĐ vào năm 2007.

Từ những phân tích trên HĐXX sơ thẩm xét thấy, Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B về việc yêu cầu ông Lục Xuân D tháo dỡ chuồng trâu để trả lại cho ông, bà một phần thửa đất số 134, tờ bản đồ địa chính số 53 (nay thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 85), diện tích 23m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lục Xuân D về việc công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 51,7m^2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án HĐXX phúc thẩm xét thấy tại phần quyết định của bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót cần phải điều chỉnh, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Tại dòng 24 trang 11 từ trên xuống có nội dung "Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh phần diện tích đất 51,7m^2 thuộc thửa số 134 tờ bản đồ 53 (nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 85) tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 từ hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B sang cho ông Lục Xuân D" là chưa đúng với quy đinh của pháp luật tố tụng dân sự, bởi lẽ bản án là được cơ quan tổ chức cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành. Do đó cần phải tuyên là "Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B và ông Lục Xuân Cát có trách nhiệm liên hệ tới cơ quan chuyên môn để điều chỉnh tách phần diện tích đất 51,7m^2 thuộc thửa số 134 tờ bản đồ 53 (nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 85) tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 từ hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B sang cho ông Lục Xuân Cát"

Thứ hai, Tòa án sơ thẩm chưa tuyên về phần tứ cận tiếp giáp của phần đất tranh chấp, do đó cần phải bổ sung tứ cận tiếp giáp để đảm bảo các điều kiện về thi hành án.

Từ những thiếu sót trên HĐXX phúc thẩm xét cần phải sửa án bản án sơ thẩm.

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, sung công quỹ nhà nước. Nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000đồng; đồng thời ông A, bà B còn phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố của bị đơn

được chấp nhận là 300.000đồng. Do yêu cầu phản tố được chấp nhận nên ông Lục Xuân Cát không phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố, do đó cần hoàn trả cho ông Cát 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Mạc Văn A- bà Lương Thị B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B về việc yêu cầu ông Lục Xuân D phải tháo dỡ chuồng trâu để trả lại cho ông, bà một phần thửa đất số 134, tờ bản đồ địa chính số 53 (nay thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 85), diện tích 23m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lục Xuân D về việc công nhận quyền sử dụng đất của ông Lục Xuân D đối với thửa đất số 67 tờ bản đồ số 85, diện tích 51,7m^2 tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. *(Có sơ đồ trích đo địa chính khu đất kèm theo bản án).* Phần đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn Nghĩa; phía Tây giáp đất ông Mạc Văn A; phía Nam giáp đất ông Mạc Văn A; phía Bắc giáp đất bà Nông Thị Noọng.

Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B và ông Lục Xuân Cát có trách nhiệm liên hệ tới Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Hòa để điều chỉnh tách phần diện tích đất 51,7m^2 thuộc thửa số 134 tờ bản đồ 53 (nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 85) tại xóm Xóm A1, xã B1, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 168201 ngày 07/11/2007 từ hộ gia đình ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B sang cho ông Lục Xuân Cát

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc:

Nguyên đơn Mạc Văn A, Lương Thị B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mạc Văn A và bị đơn Lục Xuân D đã nộp tạm ứng mỗi người 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) nên buộc ông A, bà B phải có nghĩa vụ đến Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng nộp số tiền 2.000.000đồng để trả lại cho ông Lục Xuân D.

4. Về án phí:

Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B phải chịu 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0004555 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng; ông A, bà B còn phải nộp tiếp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ông Lục Xuân Cát không phải chịu 300.000đ tiền án phí đối với yêu cầu phản tố được chấp nhận, do đó cần hoàn trả cho ông Cát 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004633 ngày 01/7/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận ông A-bà B đã nộp tiền tạm ứng án phí thep biên lai số 0004664 ngày 07/10/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên